**Tiết 37,38 . VĂN BẢN 2**

**MUỐI CỦA RỪNG**

(**Nguyễn Huy Thiệp)**

*Thời gian thực hiện: 02 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại.

- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chỉ tiết tiêu biểu trong văn bản.

- HS biết so sánh, đánh giá các tác phẩm văn học có những mối liên hệ nhất định với nhau, làm rõ được những yếu tố vay mượn, cải biên,...

**2. Về năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

**3. Về phẩm chất**:

- HS có ý thức trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, có lối sống hoà hợp với thế giới tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:** SGK, SGV Ngữ văn 12 (tập một), Tư liệu về Nguyễn Huy Thiệp

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Muối của rừng*

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề. HS lắng nghe, suy nghĩ.

**c. Sản phẩm:** Hs chia sẻ về câu chuyện của mình, lắng nghe chia sẻ của người khác và định hướng bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *Em hãy kể tên một số tác phẩm có yếu tố kì ảo trong văn học hiện đại? Nêu cảm nhận cảm nhận về các yếu tố kì ảo trong tác phẩm đó*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ, thực hiện  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả làm việc của mình.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  *Trong các tác phẩm truyện kể, bên cạnh các yếu tố như cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, người kể chuyện…thì yếu tố kì ảo đóng vai trò khá quan trọng. Yếu tố kì ảo góp phần tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện, đồng thời thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới và con người.* | HS kể tên và nêu cảm nhận về các yếu tố kì ảo trong tác phẩm:   * ***Alice ở Xứ Sở Thần Tiên:*** là cuốn tiểu thuyết dành cho thiếu nhi của tác giả người Anh Charles Lutwidge Dodgson dưới bút danh Lewis Carroll viết năm 1865. Câu chuyện kể về cô bé Alice chui qua một hang thỏ rồi lạc vào thế giới thần tiên có những sinh vật kì lạ. * ***Vàng và Máu (Thế Lữ):*** có màu sắc huyền bí, rùng rợn, thể hiện những góc khuất trong tâm hồn con người. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

1. **Mục tiêu:**

- HS nắm được thông tin cần thiết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp, văn bản Muối của rừng.

- Hs đọc, hiểu nội dung

**b. Nội dung:**

- Gv hướng dẫn HS đọc và thu thập thông tin cần thiết.

- HS đọc, quan sát SGK

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:** Gv hướng dẫn cách đọc:  - Đọc rõ ràng, mạch lạc.  - Nghe nhìn SGK và gạch chân ở những từ ngữ quan trọng.  **2. Tác giả**  HS tìm hiểu tác giả và trả lời câu hỏi:  - Trình bày những thông tin cơ bản về tác giả.  - Nêu ấn tượng đặc biệt nhất của em về Nguyễn Huy Thiệp.  **3. Tác phẩm**  - Trình bày những thông tin cơ bản về tác phẩm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc văn bản, rút ra thông tin cần thiết.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trả lời  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét, kết luận, | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021). Quê ở Hà Nội.  - Sáng tác kịch, tiểu thuyết, thơ, viết tiểu luận nhưng thành tựu đặc sắc nhất của ông là truyện ngắn  - Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp:  + Có cái nhìn sắc lạnh về hiện thực và lịch sử, thể hiện được sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống.  + Bút pháp cô đọng, dồn nén, ngôn ngữ giàu tính đối thoại  => Là một cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: in lần đầu trên báo *Văn nghệ* năm 1987  - Thể loại: Truyện ngắn  - Chủ đề: Mối quan hệ giữa con người với đời sống tự nhiên |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được những chi tiết, hình ảnh trong văn bản Muối của rừng.

- Chỉ ra, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản Muối của rừng.

- Nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại qua văn bản Muối của rừng, liên hệ với yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì “Đền thiêng cửa bể”.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc và khám phá văn bản, thu thập thông tin cần thiết.

- HS đọc, quan sát SGK

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản Muối của rừng

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS chia lớp thành 3 nhóm, thực hiện yêu cầu sau:  *- Nên chia văn bản thành mấy đoạn? Tóm tắt nội dung từng đoạn bằng 1 câu thật ngắn gọn.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đoạn**  **VB** | **Vị trí đoạn VB** | **Nội dung chính của đoạn VB** | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | … | … | **…** |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, đánh giá  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *Nhan đề truyện gợi cho bạn liên tưởng gì? Nêu ý nghĩa quan trọng của nhan đề?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và dự kiến ý  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trả lời, nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên tổ chức HS thảo luận cặp đôi.  *Xác định ngôi kể, điểm nhìn, sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhân vật từ đó phân tích tác dụng của các yếu tố trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực và quan niệm của nhà văn.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Thảo luận cặp đôi.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Cử đại diện trình bày những hiểu biết của nhóm - Các thành viên còn lại nhận xét, bổ sung thông tin.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 4: Sống cùng nhân vật.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ ở nhà.  **Nhóm 1**: *Tìm hiểu về diện mạo và tình thế của nhân vật ở phần mở đầu và kết thúc truyện.*  **Nhóm 2**: *Tìm các chi tiết cụ thể nói về hành động, nội tâm của nhân vật ông Diểu ?*  **Nhóm 3:** *Vẽ sơ đồ tư duy (Trên giấy A0) hoặc làm sơ đồ sử dụng trình chiếu tóm tắt hành động và các cung bậc cảm xúc của nhân vật ông Diểu.*  **Nhóm 4:** *Nhận xét về hình tượng nhân vật ông Diểu.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ được giao.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét, chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 5:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động trải nghiệm cho những người yêu truyện kể có yếu tố kì ảo.  - GV chia lớp thành các nhóm theo bàn.  - Câu hỏi cho các nhóm:  + *Chọn lọc và ghi lại những chi tiết/ yếu tố kì ảo hấp dẫn nhất trong truyện kể?*  + *Thảo luận nhóm và ghi lại ngắn gọn vai trò, ý nghĩa của yếu tố kì ảo đã lựa chọn?*  *+ So sánh tìm điểm khác biệt của chi tiết kì ảo trong truyện “Muối của rừng” với các chi tiết kì ảo trong “Đền thiêng cửa bể” của Đoàn Thị Điểm.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện một số nhóm HS đã đăng kí trước hoặc xung phong lên trình bày sản phẩm của nhóm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, chốt vấn đề | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Bố cục của văn bản***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đoạn**  **VB** | **Vị trí đoạn VB** | **Nội dung chính của đoạn VB** | | 1 | “*Ông Diểu... nặng nề*” | Mùa xuân, ông Diểu đi săn, gặp đàn khỉ và bắn trúng con khỉ đực | | 2 | “*Sự hỗn loạn... buông mồi*” | Ông Diểu chứng kiến khỉ cái quay lại dìu khỉ đực chạy đi | | 3 | “*Từ mô đá... từng đường nét*” | Ông Diểu bị khỉ con cướp súng và chứng kiến những sự lạ | | 4 | “*Có tiếng kêu... an toàn*” | Ông Diểu leo lên mỏm núi và cứu chữa con khỉ đực | | 5 | “*Ông Diểu lần mò... con khi đực nằm*” | Ông Diểu ôm khỉ đực xuống núi rồi lại phóng sinh cho nó | | 6 | Phần còn lại | Ông Diểu ra về và gặp hoa tử huyền |   **2. Nhan đề “Muối của rừng”**  **\*Cách đặt nhan đề**  - Nhan đề gợi ra câu chuyện về thiên nhiên (như *Đất rừng phương Nam (Đoàn Giỏi), Chiếc lá cuối cùng (O. Hen-ry - O. Henry),...*  - Nhan đề gợi ra những chuyện lạ (*vì bình thường thì muối gắn với biển*)  - Nhan đề kết nối chặt chẽ với phần kết của câu chuyện: Ông Diểu phóng sinh cho con khỉ, ra về gặp hoa tử huyền - “*người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng*”  **\*Mối quan hệ nhan đề và nội dung câu chuyện**  Đây là sự lặp lại có chủ ý của tác giả về kết cấu để nhấn mạnh thông điệp: Con người sẽ được bình yên, no ấm khi biết sống hoà hợp với tự nhiên (“*Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc*”).  **3. Ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện và lời nhân vật**  - Ngôi kể: Ngôi kể thứ 3  -> Tạo tính khách quan, hấp dẫn cho câu chuyện.  - Điểm nhìn trần thuật ngôi thứ 3.Điểm nhìn đa dạng và có sự dịch chuyển linh hoạt: Điểm nhìn bên ngoài *(Khung cảnh khu rừng mùa xuân, diện mạo nhân vật chính )*, điểm nhìn bên trong *(Các cung bậc cảm xúc của nhân vật)*, điểm nhìn không gian *(Khu rừng mùa xuân, Hõm Chết)*, thời gian *(Hành trình đi săn của ông Diểu)*, điểm nhìn của người kể chuyện *(Loài hoa tử huyền),* điểm nhìn của nhân vật ông Diểu khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng.  - Sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhận vật.  + Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể thứ 3  + Lời nhân vật: Chủ yếu là độc thoại  -> Thể hiện cách đánh giá khách quan đối với đối tượng được miêu tả, định hướng việc hình dung mạch kể cho người đọc đồng thời thể hiện một cách tinh tế, sinh động tâm tư, tình cảm, hành động của nhân vật ông Diểu.  **4. Nhân vật ông Diểu**  **- Diện mạo và tình thế:**  ***+ Đầu truyện***: trang phục đầy đủ, mang theo súng săn, lương thực với tinh thần chủ động, tự tin.  **=>** Hình ảnh con người cao ngạo, làm chủ tự nhiên, khai thác, huỷ hoại tự nhiên để phục vụ cuộc sống của mình.  + ***Cuối truyện***: Sau khi bắn khỉ đực và cứu chữa rồi phóng sinh cho con mồi, trải qua nhiều cảm xúc và suy nghĩ, nhận thức, ông Diểu “trần truồng như thế, cô đơn như thế” khi ra khỏi rừng.  **=>** Rừng đã tước đoạt của ông tất cả quần áo, thức ăn, vũ khí nhưng trả lại cho ông trạng thái tự nhiên, hòa hợp với đất trời trong mưa xuân dịu dàng.  **- Hành động:**  + Bắn hạ khỉ đực  + Đuổi theo khỉ con khiến nó rơi xuống vực thẳm.  + Tha chết cho khỉ đực và băng bó, phóng sinh cho nó.  + Trở về nhà  **=>** Hành động tàn nhẫn -> Hành động thức tỉnh nhân sinh.  **- Nội tâm:**  + Khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng mùa xuân -> ý nghĩ cực đoan, định kiến.  + Bắn khỉ đực -> sợ hãi run lên  + Khỉ cái liều mình cứu khỉ đực -> tức giận, buồn bã  + Khỉ con rơi xuống vực -> kinh hoàng  + Khỉ đực run bắn lên nhìn ông cầu khẩn -> thương hại, khó chịu.  + Khỉ cái cứ bám theo ông và con khỉ đực -> buồn bã, khổ tâm, buồn tê tái.  + Phóng sinh khỉ đực, gặp hoa tử huyền -> cô đơn nhưng hạnh phúc.  **=>** Diễn biến tâm trạng tự nhiên, chân thực, phức tạp.  **SƠ ĐỒ TƯ DUY THAM KHẢO**    **- Nhận xét về hình tượng nhân vật**  + Nhân vật được khắc họa thành công qua tình huống, điểm nhìn linh hoạt, một số sự việc kì lạ đặc biệt qua hành động, nội tâm.  + Hành trình đi săn cũng là **hành trình trải nghiệm, hành trình tự nhận thức,** **hành trình phục thiện** của nhân vật.  + Hình tượng nhân vật điển hình giúp nhà văn gửi thông điệp cuộc sống**: Con người cần phải trân trọng bảo vệ và sống hòa hợp với tự nhiên.**  **5. Vai trò của yếu tố kì ảo**  ***\* Yếu tố kì ảo trong truyện.***  - Cảnh tượng ở Hõm Chết  + Cảnh: *“Sương mù dâng lên cuồn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí”*  + Khỉ con màu trắng:*“Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng”,“Tất cả như trong mộng mị”*  + Tiếng kêu của khỉ đực *“Tựa như thần chết bực mình” “Lắp bắp nghe như tiếng của trẻ con”*  + “*Núi lở …Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng, phẳng lì”*  + Chỗ ông Diểu để quần áo *“Đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ”*  *-*  Hoa tử huyền (Chi tiết nghệ thuật đặc sắc): tên hoa do nhà văn hư cấu gợi liên tưởng về sự huyền hoặc, lạ lùng; 30 năm hoa mới nở một lần; Tình huống gặp hoa bất ngờ, ngoài dự kiến (*Lối đi khác, đầy bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết*);  ***\* Vai trò, ý nghĩa của yếu tố kì ảo.***  + Tạo sự hấp dẫn, li kì, ấn tượng đặc biệt cho câu chuyện.  + Thể hiện nhận thức: Thiên nhiên đầy bí ẩn, loài vật có phẩm tính và nhân tính. Thiên nhiên phẫn nộ khi bị hủy hoại. Sự cảnh cáo của thiên nhiên đối với con người.  + Thiên nhiên tươi đẹp, luôn cho con người những điều tốt đẹp vì thế con người phải biết trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Chỉ khi ấy con người mới có được sự bình yên no ấm.  ***\* Điểm khác biệt của chi tiết kì ảo trong truyện với “Đền thiêng cửa bể” của Đoàn Thị Điểm.***  + *Đền thiêng cửa bể*: Có nhiều chi tiết kì lạ, nhân vật kì ảo, thủ pháp kì ảo, sự đối lập tương phản giữa yếu tố ảo và thực đóng vai trò nổi bật, làm nên đặc trưng của truyện truyền kì.  + Truyện *“Muối của rừng”:* Nhà văn kiến tạo một số chi tiết có tinh chất kì lạ, hiếm gặp để tạo tình huống đặc biệt nhằm bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nội dung trọng tâm của văn bản là gì?*  *- Những yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong truyện ngắn tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Câu chuyện về hành trình đi săn của ông Diểu.  - Khẳng định mối quan hệ giữa con người và tự nhiên: *Hòa hợp, trân trọng, khoan dung.*  - Con người với chính mình: *Phải biết tự nhận thức, thức tỉnh, hướng thiện, hướng thượng.*  **2. Nghệ thuật**  - Cốt truyện đơn giản.  - Tình huống truyện hấp dẫn.  - Nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật sinh động, chân thực, có tính biểu tượng.  - Người kể chuyện và điểm nhìn hợp lí, linh hoạt.  - Ngôn ngữ có tính đối thoại, độc thoại.  - Yếu tố kì ảo được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật cao và tạo ấn tượng khó quên với độc giả. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - Kết nối Đọc- Viết**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao về nhà.

**b. Nội dung**: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

**c. Sản phẩm**: Văn bản được tạo lập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ**: Viết đoạn văn trên giấy thi *(Khoảng 150 - 200 chữ)* trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn *“Muối của rừng”.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **B3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh đọc phần viết (GV chọn 2-3 HS)  - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** Bằng điểm số thông qua rubric 2-3 bài trên lớp.  - GV thu bài chấm và sửa kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học cho học sinh**.** | Văn bản học sinh tạo lập khi soạn bài. |

**Rubric đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (*khoảng 150- 200 chữ)* | **0.5** |
| **Nội dung** | Xây dựng dàn ý: Trình bày suy nghĩ về vai trò của chi tiết kì ảo trong truyện ngắn *“Muối của rừng”* | |
| Giới thiệu vấn đề nghị luận | **1.0** |
| - Chọn lọc một số chi tiết kì ảo đặc sắc:  + *Sương mù dâng lên cuồn cuộn , trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí* khi con khỉ con rơi xuống và cât tiếng rú thê thảm.  + Khỉ con màu trắng *“Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng”*  + Chỗ ông Diểu để quần áo *“Đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ”*  + Chi tiết nghệ thuật đặc sắc: *Hoa tử huyền, rừng kết muối điềm báo đất nước nước thanh bình, mùa màng phong túc.*  - Suy nghĩ về vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện:  + Tạo sự hấp dẫn, li kì, ấn tượng cho câu chuyện.  + Thể hiện nhận thức: Thiên nhiên đầy bí ẩn, loài vật có phẩm tính và nhân tính. Thiên nhiên phẫn nỗ khi bị hủy hoại. Sự cảnh cáo của thiên nhiên với con người.  + Thiên nhiên tươi đẹp, luôn cho con người những điều tốt đẹp vì thế con người phải biết trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Chỉ khi ấy con người mới có được sự bình yên no ấm.  - Đánh giá khái quát VĐNL. | **7.0** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0.5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,... | **1.0** |

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

Một trong các yếu tố làm nên sức hấp dẫn đặc biệt trong truyện ngắn *“Muối của rừng”* của Nguyễn Huy Thiệp là việc sử dụng yếu tố kì ảo. Yếu tố kì ảo được chọn lựa có vai trò như một phương thức nghệ thuật phản ánh thực tại, thể hiện quan niệm nhân sinh sâu sắc của nhà văn về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Sự việc kì ảo bắt đầu xuất hiện khi ông Diểu - Người đi săn bắn được con khỉ đực và đuổi theo con khỉ con đưa đến hậu quả *“Nó lăn xuống miệng vực”. Ở đó, ông Diểu được ngắm nhìn* cảnh tượng ở Hõm Chết: “*Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuồn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí”, “Hay là ma?”-* Ông Diểu nghĩ *“Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng”*. Ông Diểu có cảm giác *“Tất cả như trong mộng mị”*. “*Núi lở… đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng, phẳng lì”.* Chỗ ông Diểu để quần áo “*Đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ”*. Thiên nhiên hiện lên sinh động, bí ẩn có phẩm tính và nhân tính đủ để ông Diểu*“Kinh hoàng”,“Không ngờ”,“Kinh hãi”,“Thót mình*”. “Sự lạ”- những phản ứng của thiên nhiên trên hành trình đi săn - phải chăng đấy là sự phẫn nộ, sự trừng phạt, cảnh báo đối với những hành động hủy hoại thiên nhiên của con người. Sự cảnh báo có ý nghĩa thức tỉnh nhận thức dẫn đến hành động phục thiện của ông Diểu: phóng sinh khỉ đực và trở về. Trên đường trở về nhân vật gặp hoa tử huyền. Tình huống gặp hoa bất ngờ, ngoài dự kiến khiến ông Diểu *“dừng lại sững sờ”*. Loài hoa cứ ba chục năm mới nở một lần. Tác giả gợi dẫn: “*Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm*, *người ta vẫn gọi hoa này là “Muối của rừng”. “Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc”.* Hoa tử huyềnđặc biệt tạo ấn tượng kì ảo, hoa xuất hiệnphải chăng như là sự ghi nhận, ban thưởng cho ông Diểu, cho những người biết trân trọng thiên nhiên, biết hướng thiện để sống hòa hợp với thiên nhiên. Những chi tiết kì lạ, hiếm gặp trong truyện ngắn được sử dụng không chỉ tạo nên sức hấp dẫn, ấn tượng mà còn hướng tới việc bộc lộ cảm xúc, thức tỉnh nhận thức làm cơ sở cho hành động và cách ứng xử nhân văn của con người. Đúng là:*“Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”* (M. Gorki).

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:

- HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.

- HS tái hiện một đoạn trong truyện ngắn*“Muối của rừng”* bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp với năng lực (*Hội họa, thơ ca, phê bình nghệ thuật, kịch*,...)

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu yêu cầu:**

- Lựa chọn một trích đoạn tríchấn tượng với nhóm/ tổ .

- Tái hiện lại đoạn trích đó bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu những thông tin về tác phẩm và sáng tạo sản phẩm của nhóm/ tổ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS chụp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp.

**B4: Đánh giá, kết quả thực hiện.**

GV giới thiệu sản phẩm của HS, nêu nhận xét, đánh giá.

**Rubric đánh giá tác phẩm nghệ thuật của HS**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | Đảm bảo đúng hình thức nghệ thuật đã chọn. | **3.0** |
| **Nội dung** | Chọn một hình thức nghệ thuật (*Hội họa, thơ ca, phê bình nghệ thuật, kịch*,...) gắn với một trích đoạn trong truyện ngắn *“Muối của rừng”.* | |
| - Thể hiện đúng chủ đề đoạn trích. | **2.0** |
| - Đảm bảo được các tình tiết hoặc hình ảnh chủ đạo có giá trị trong đoạn trích. | **2.0** |
| - Có những sáng tạo độc đáo nhưng không đi quá xa chủ đề. | **1.0** |
| **Giới thiệu** | Tự tin, hấp dẫn, lôi cuốn, tương tác tốt. | **1.0** |
| **Tính chất tập thể** | Tinh thần làm việc nhóm: Hợp tác, phát huy năng lực, sự sáng tạo. | **1.0** |

**4. CỦNG CỐ**: **Cách đọc một văn bản thuộc thể loại truyện hiện đại có yếu tố kì ảo**.

- Đọc và xác định đề tài.

- Tóm tắt mạch truyện/ Sự kiện, sự việc tiêu biểu gắn với các nhân vật.

- Rà soát những yếu tố kì ảo hấp dẫn.

- Đặt chi tiết, yếu tố nghệ thuật trong ngữ cảnh để thấy được hiệu quả của chúng trong việc thể hiện ý tưởng nghệ thuật.

**5. HDVN**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng bằng việc ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài: *Thực hành tiếng Việt - Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.*

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 39. NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỂN CỐ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-** HS nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại).

- HS nhận thức và lý giải được vấn đề: sử dụng điển cố cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học.

**2. Về năng lực:**

- Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.

- Biết cách sử dụng điển cố vào viết văn, cũng như giao tiếp.

**3. Về phẩm chất**: Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 12, tập 1, phiếu học tập, thiết kế bài dạy…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**12. Kiểm tra bài cũ:** kết hợp trong phần Khởi động.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Củng cố kiến thức về điển cố: khái niệm, tác dụng.

- Nhận diện điển cố trong tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:**

- Xem lại 1 điển cố được sử dụng trong văn bản 1 “Hải khẩu linh từ” (Đoàn Thị Điểm) để hiểu sự khác biệt của điển cố với từ ngữ thông thường.

- Trò chơi: nối cột.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Tìm đọc lại cước chú số 2 và 3 trang 95, sgk Ngữ văn tập 1, cho biết sự khác biệt của việc sử dụng điển cố với từ ngữ thông thường.  - Tham gia trò chơi: nối cột để ôn tập lại kiến thức về điển cố.   |  |  | | --- | --- | | 1. Điển cố là…. | a. một thủ pháp nghệ thuật trong sáng tạo văn học, thể hiện qua việc người sáng tác sử dụng tư liệu lịch sử, văn hoá, thơ văn,... khi sáng tác tác phẩm. Việc sử dụng điển cố đặc biệt phổ biến trong văn học trung đại. | | 2. *Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu* (trích “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” – Nguyễn Đình Chiểu) có điển cố là … | b. *ông Đào*: Tức Đào Tiềm đời Tấn (Trung Quốc), tự Uyên Minh, đỗ tiến sĩ, làm huyện lệnh Bành Trạch, khi treo ấn từ quan có làm bài Quy khứ lai từ. | | 3. Tác dụng của điển cố là… | c. *xa thư:* Cỗ xe và chữ viết, do chữ “xa đồng quỹ, thư đồng văn”, nghĩa là xe cộ cùng một đường (quỹ: dấu xe đi), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói sự thống nhất hoàn toàn.  - *chém rắn đuổi hươu*: Đến chiếm cướp, lấy tích Lưu Bang cướp ngôi nhà Tần. Cả vế “một mối... đuổi hươu” có nghĩa: đất nước ta là một khối thống nhất vĩ đại, không thể nào để kẻ nào đến chiếm cướp. | | 4. Nghệ thuật sử dụng điển cố là…. | d. làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, trang nhã. Làm giàu đẹp khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc. | | 5. *Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào*.  (trích “Thu vịnh” – Nguyễn Khuyến)  có điển cố là…… | e. câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn vào tác phẩm văn học dưới hình thức ngắn gọn, để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định. |   - Hoạt động theo nhóm nhỏ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh thảo luận (theo bàn) về nội dung câu hỏi và trò chơi.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **-** GV gọi3 -> 5 học sinh trả lời các câu hỏi, cho bổ sung.  - HS xung phong trả lời, bổ sung – nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét các câu trả lời, đánh giá hoạt động của học sinh và củng cố kiến thức về điển cố. | **1. Cước chú số 2 và 3 trang 95, sgk Ngữ văn 12, tập 1**  - “Dời củi khỏi bếp tranh”, “dùng dâu ràng cửa tổ” -> dẫn điển cố trong Hán thư (Trung Quốc) ý nói: phòng ngừa từ trước để tránh hậu hoạ.  - Từ ngữ thông thường: phòng cháy trước khi chưa cháy, ngừa mưa trước lúc chưa mưa.  - Dù giống nhau về nghĩa, nhưng có một số sự khác biệt:  + điển cố có tính hình tượng và biểu cảm cao.  + điển cố hàm súc và cô đọng.  **2. Trò chơi Nối cột:**  1-e, 2-c, 3-d, 4-a, 5-b |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nhận diện, lí giải các điển cố trong tác phẩm văn học (trong sgk).

**b. Nội dung:** Làm các bài tập 1 trong sgk- tr.114.

**c. Sản phẩm:** Bảng phụ trình bày kết quả thảo luận nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- HS trao đổi theo nhóm nhỏ (2 bàn= 1 nhóm)**  **Bài tập 1- tr.114**  + Dựa vào việc tìm hiểu các cước chú trong văn bản *Đền thiêng cửa bể*, hãy **xác định các điển cố** trong đoạn trích.  + Không yêu cầu HS **xác định/ nhận diện** hết tất cả các điển cố xuất hiện trong đoạn trích. Chỉ cần nhận diện được ít nhất 3 điển cố là đạt yêu cầu.  + Gợi ý: Tìm đoạn trích ở tr. 95; theo dõi những cước chú có liên quan để nhận diện được các điển cố. (Điển cố có thể được tác giả sử dụng dưới **hình thức** **nhân danh, địa danh**- nhân danh, địa danh đó gợi nội dung một câu chuyện, sự kiện,... mà nếu không tìm hiểu kĩ, chúng ta sẽ không hoặc khó có thể hiểu hết điều tác giả muốn thể hiện).  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nhận nhiệm vụ, thảo luận  - HS quan sát, điều hành.  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** GV gọi HS trình bày, bổ sung  **-** HS trình bày, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-**  GV nhận xét: phần trình bày, kết luận, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở. | **Bài tập 1.** Các điển cố được dùng trong đoạn trích:  - “Dời củi khỏi bếp tranh – Dùng dâu ràng cửa tổ”: Dẫn điển trong *Hán thư* (Trung Quốc), ý nói phòng ngừa từ trước để tránh những hậu hoạ.  - “Bồng môn”: Cửa liếp lều tranh, chỉ sự nghèo hèn; đối với “tiêu thất” ở sau: buồng lụa, phòng son, chỉ sự quyền quý, cao sang.  - “Mười điều”: Là mười điều tấu sớ của Trình Diên trong *Hán thư*, Bích Châu muốn bày tỏ mười điều quan tâm, lo lắng của mình về việc cai trị đất nước.  - Một số điển cố khác như: “Nén kẻ quyền thần”, “Phạt Trụ diệt Khương” trong *Sử kí*, “Thải bớt kẻ nhũng lạm”, “Trừ gian diệt bạo” trong *Sử kí*, “Cổ động Nho phong”, “Nhân nghĩa lễ trí tín” trong *Tứ thư*,… |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS từng bước nâng cao năng lực nhận diện, lí giải, đánh giá tác dụng các điển cố trong tác phẩm văn học (trong sgk).

**b. Nội dung:** Làm các bài tập 2,3 trong sgk- tr.114, 115.

**c. Sản phẩm:** Bảng phụ trình bày kết quả thảo luận nhóm; phần thuyết trình và bổ sung của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LUYỆN TẬP** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1 + 2: Bài tập 2- tr.114,115**  + Nhận xét về **tác dụng của việc dùng điển cố** trong đoạn văn sau.  + Gợi ý: Trong đoạn văn, tác giả sử dụng hàng loạt điển cố (phần lớn là qua hình thức tên người, tên đất, tên sự kiện, tên tác phẩm: Đố Phụ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, *Ly tao,...).* Hầu hết các điển cố trên đều gợi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng.  + Tương tự như bài tập 1, trước hết, cần nhận diện được các điển cố xuất hiện trong đoạn văn. Thử diễn đạt lại nội dung đoạn văn theo cách không dùng các điển cố. Cần so sánh đoạn văn vừa viết với đoạn văn “gốc” để rút ra những nhận xét cần thiết theo yêu cầu của bài tập.  **Nhóm 3 + 4: Bài tập 3- tr.115**  + “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” trong những câu sau **có phải là điển cố không**? Nêu **tác dụng** của việc sử dụng hai “địa danh” đó.  +Gợi *ý:* “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” là những địa danh xuất hiện trong tác phẩm Tây du kí (Trung Quốc); kết nối với nội dung của Tây du kí để hình dung về khung cảnh của Hoa Quả Sơn và Thủy Liêm Động. Diễn đạt lại ý của câu thứ ba mà không dùng các địa danh này.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS nhận nhiệm vụ, thảo luận, ghi bảng phụ hoặc giấy.  HS quan sát, điều hành.  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Mỗi bài tập, GV chọn 1 nhóm trình bày, yêu cầu các nhóm cùng nội dung nhận xét, bổ sung.  - HS trình bày, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-**  GV nhận xét: phần trình bày, hoạt động thảo luận; kết luận, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở. | **Bài tập 2.** Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn:  ***- Các điển cố được sử dụng*:** Đố Phụ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, *Li tao*,...  ***- Hình thức*:** Tên người, tên đất, tên sự kiện, tên tác phẩm,...  ***- Nội dung*:** Các điển cố trên đều gợi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng.  ***- Tác dụng*:** Tăng tính biểu cảm (thể hiện tâm trạng bi thương, sầu uất của nhân vật); tăng sức thuyết phục (hiểu biết lịch sử và văn hoá, khiến lời nói của nàng thêm xác tín); tăng tính nghệ thuật (lời văn trau chuốt, mượt mà và giàu sức gợi); thể hiện ý đồ của tác giả (kiến thức uyên bác, hiểu biết sâu rộng về văn hoá và lịch sử của tác giả);...  **Bài tập 3**   * “Hoa Quả Sơn” và “Thuỷ Liêm Động” là hai điển cố - dưới hình thức **địa danh**.   + Hoa Quả Sơn: Tên ngọn núi trong tác phẩm *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân, là nơi sinh sống của Tôn Ngộ Không. Đây là một ngọn núi hoang vu, hiểm trở, nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã.  + Thuỷ Liêm Động: Tên hang động trong tác phẩm *Tây du kí*, là nơi ở của Tôn Ngộ Không. Đây là một hang động bí ẩn, sâu thẳm.  - Tác dụng:  + Giúp người đọc hình dung ra khung cảnh hoang vu, hiểm trở, kì bí, có nhiều khỉ của rừng dâu da.  + Thể hiện sự vay mượn, sáng tạo của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp khi sử dụng 2 điển cố rất quen thuộc của văn học Trung Quốc để miêu tả không gian huyễn hoặc, hoang sơ của vườn dâu da.  + Khẳng định, việc sử dụng điển cố -vốn được xem là tích xưa, chuyện cũ trong một tác phẩm của văn học hiện đại là vô cùng độc đáo, lôi cuốn. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học (cả trung đại và hiện đại) và vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

**b. Nội dung:** Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong ngữ liệu văn học ngoài sgk (trung đại, hiện đại).

**c. Sản phẩm:** Bài làm – PHT đã hoàn thành của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV phát PHT cho các nhóm

+ Nhóm 1 và 2: PHT số 1 (ngữ liệu là văn học trung đại)

+ Nhóm 3: PHT số 2 (ngữ liệu là văn học hiện đại)

+ Nhóm 4: nhắc lại khái niệm, tác dụng, cách thức sử dụng điển cố (cơ chế hình thành)

- GV yêu cầu:

+ Mỗi nhóm được sử dụng 1 điện thoại thông minh trong thời gian là 5 phút, để tra cứu điển cố.

+ Nhận diện, lí giải ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản.

+ Nêu tác dụng

+ Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh nhận PHT, tìm điển cố, sử dụng điện thoại để tra cứu.

- Hoàn thiện PHT và cử đại diện trình bày.

- GV quan sát, định hướng, điều hành.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV chọn và gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày.

- HS trình bày, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét: phần trình bày trước lớp, hoạt động thảo luận, kết luận.

**VẬN DỤNG**

**Bài tập 1. Xác định, lí giải điển cố trong văn bản sau:**

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,  
Nợ tang bồng vay giả, giả vay.  
Chí làm trai nam bắc đông tây,  
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.*

*Nhân sinh tự cổ thuỳ vô tử,  
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.  
Đã hẳn rằng ai nhục với ai vinh,  
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.*

**(trích “Chí làm trai” (Nguyễn Công Trứ)**

**Gợi ý:**

**- 2 điển cố được sử dụng:**

+ *Tang bồng*: Do chữ “tang bồng hồ thỉ” 桑蓬弧矢, là cung làm bằng gỗ dâu và tên làm bằng cỏ bồng. Theo Kinh Lễ, xưa cha mẹ khi sinh con trai, lấy cung gỗ dâu, tên cỏ bồng treo ngoài cửa, ý mong con trai lấy cung tên làm sự nghiệp.

+ *Nhân sinh tự cổ thuỳ vô tử,  
 Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.*

Chữ Hán: 人生自古誰無死，留取丹心照汗青. Nghĩa: Người đời xưa nay ai không phải chết, lưu lại tấm lòng son soi vào sử xanh. Lấy từ bài *Quá Linh Đinh dương* của Văn Thiên Tường. Điển cố ca ngợi lẽ sống cao đẹp của bậc nam nhi đại trượng phu: xem nhẹ cái chết, trọng khí tiết, trung nghĩa.

**- Tác dụng của điển cố:**

+ dẫn chuyện xưa để khẳng định khát vọng lập công danh, sự nghiệp, lí tưởng sống của nam nhi thời phong kiến.

+ tăng tính biểu cảm, thuyết phục cho đoạn thơ.

**- Nhận xét sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả:** từ việc mượn điển cố *tang bồng*từ văn học Trung Quốc,nhà thơđã có sự cải biến và sáng tạo nhất định. Danh từ “tang bồng” vốn được hiểu là *mộng công danh* được đặt sau chữ “nợ”, đặt ở khổ thơ có nhiều từ chỉ không gian kì vĩ, khoáng đạt: *vòng trời đất, nam, bắc, đông, tây, bốn bể* -> tạo thành cụm từ có ý nghĩa khái quát, mở rộng: xem việc lập công lập danh là bổn phận, trách nhiệm, sứ mệnh của nam nhi với nước, với đời; thể hiện vẻ đẹp của con người: tầm vóc kì vĩ, lí tưởng sống cao đẹp.

**Bài tập 2. Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản sau:**

**Tháng ba, rét nàng Bân**

*…Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo.*

*Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.*

*Trời trong như ngọc, đất sạch như lâu. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngăn ngắt một mầu. Ở đằng sau nhà, chim hót ríu ran, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh mầu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.*

*(…) Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.*

*Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhăn mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lệ chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quản. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.*  
  **(trích “Thương nhớ mười hai” – Vũ Bằng)**

**Gợi ý**

**- Có 3 điển cố được sử dụng trong văn bản:**

+ *Rét nàng Bân*: Gắn với câu chuyện về nàng Bân, là con gái của [Ngọc Hoàng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%8Dc_Ho%C3%A0ng_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_%C4%91%E1%BA%BF) nhưng chậm chạp và có phần vụng về. Mùa rét đã đến, nàng định tâm may cho chồng một cái áo chống rét. Nhưng nàng vụng về quá, nên may từ khi bắt đầu rét đến khi trời đã sắp sang xuân rồi mà chỉ mới may trọn được đôi [cổ tay](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%95_tay). Nàng buồn lắm. Thấy con âu sầu, Ngọc Hoàng cảm động bèn làm cho trời rét lại mấy hôm để chồng nàng mặc thử áo. Từ đó thành lệ, hàng năm vào khoảng tháng Ba tuy mùa rét đã qua, mùa nóng đã tới nhưng có lúc tự nhiên rét lại mấy hôm, người ta gọi cái rét đó là rét nàng Bân. *Điển cố này nói đến đợt*[*rét*](https://vi.wikipedia.org/wiki/R%C3%A9t)*cuối cùng của*[*mùa đông*](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B9a_%C4%91%C3%B4ng)*xảy ra vào tháng 3 âm lịch ở*[*miền Bắc Việt Nam*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Mi%E1%BB%81n_B%E1%BA%AFc_(Vi%E1%BB%87t_Nam))*, hay nói chung là đợt rét muộn*.

+ *Dương Quý Phi:* Dương Quý Phi (chữ Hán:楊貴妃, 719 – 756) là một cung phi của Đường Minh Hoàng. Bà được xếp vào một trong Tứ đại mĩ nhân của lịch sử Trung Quốc.

*+ Nghiêng nước nghiêng thành*: có nguồn gốc từ bài “Giai nhân ca” (佳人歌) của Lý Diên Niên (李延年). Chuyện rằng, vua Vũ Đế đời Hán (40-86 trước Công nguyên) có một người hầu tên là Lí Diên Niên. Nhà vua cho xây cung điện Minh Quang và tuyển chọn những người con gái đẹp tuổi từ 15 trở lên vào cung để hầu hạ  vua. Trong cung có tới gần 10 ngàn mĩ nữ nhưng vua vẫn chưa thấy ai đẹp như ý và thường lắc đầu than thở: Đời nay thiên hạ không có giai nhân tuyệt sắc! Một hôm, Lí Diên Niên múa hát bài “Giai nhân ca” cho nhà vua xem. Chị của vua Vũ Đế là Bình Dương công chúa đứng hầu bên cạnh bèn  tâu: “Lý Diên Niên có một người em gái giỏi múa hát và đẹp tuyệt trần như trong bài ca đó”. Nhà vua cho vời người đẹp vào cung, xem mặt. Quả nhiên nhà vua bỗng xao xuyến, rạo rực như có một luồng điện chạy khắp người khi nhìn thấy nàng mỹ nữ nhan sắc tuyệt trần, yêu kiều, diễm lệ. Vua liền phong nàng làm làm chánh cung hoàng hậu và ngày đêm si mê, đắm đuối bên nàng. *Nghiêng nước nghiêng thành để chỉ người con gái có sắc đẹp tuyệt thế.*

**- Tác dụng**:

+ miêu tả sự thay đổi đặc biệt của thời tiết miền Bắc vào cuối tháng ba âm lịch; sự bất thường của thời tiết là để cho nàng Bân gửi tấm áo ấm áp đến người chồng; là sự nũng nịu đáng yêu của người con gái tuyệt sắc.

+ giúp văn bản giàu tính tạo hình, biểu cảm cao; thể hiện sự uyên bác của nhà văn.

**- Nhận xét sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả:**

+ mượn điển cố từ văn học Trung Quốc để khéo léo lí giải sự thay đổi bất thường của những cơn rét muộn vào cuối tháng ba âm lịch ở miền Bắc Việt Nam.

+ so sánh, ví von độc đáo và sáng tạo khi tiếp tục khiến người đọc liên tưởng tháng ba như một người con gái có nhan sắc tuyệt mĩ, nên dù tính khí có nũng nịu, có đỏng đảnh cũng đều đáng yêu, đáng mến.

**Bài tập 3:** **Khái niệm, tác dụng, cách thức sử dụng điển cố**

- Khái niệm: Điển cố (cũng gọi là điển tích) là câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn vào tác phẩm văn học dưới hình thức ngắn gọn, để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định.

- Tác dụng: Làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, trang nhã. Làm giàu đẹp khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc.

- Cách thức sử dụng (cơ chế hình thành): qua các bài tập ở phần Luyện tập và Vận dụng, có các cơ chế hình thành điển cố như sau:

+ điển cố là một từ, một ngữ, một câu, một cặp câu thơ.

+ điển cố là một tên đất, tên người, sự vật, sự việc, hiện tượng….

**Phụ lục**

**THANG ĐO ĐÁNH GIÁ**

**PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ đạt được | | | |
| Tốt  (4) | Khá  (3) | Trung  bình (2) | Cần điều chỉnh (1) |
| Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục |  |  |  |  |
| Lập trường vững vàng |  |  |  |  |
| Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại |  |  |  |  |
| Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại |  |  |  |  |
| Tương tác tốt với người nghe |  |  |  |  |
| Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm |  |  |  |  |
| Điệu bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp… |  |  |  |  |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Cần điều chỉnh** |
| **4 điểm** | **3 điêm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| **1. Sự tham gia** | Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp. | Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu  hết thời gian. | Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc. | Tham gia nhưn hiện những cô không liên qua |
| **2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm** | Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân. | Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản  thân. | Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm. | Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng. |
| **3. Sự hợp tác** | Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến  chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Không tôn trọng ý kiến của những viên khác và hợp tác đưa ra chung. |
| **4. Sự sắp xếp thời gian** | Hoàn thành  công việc được giao đúng thời gian. thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển  công việc của nhóm. | Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm. | Không hoàn  thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm. | Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài tập 1. Xác định, lí giải điển cố trong văn bản sau:**  *Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc, Nợ tang bồng vay giả, giả vay. Chí làm trai nam bắc đông tây, Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.*  *Nhân sinh tự cổ thuỳ vô tử, Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh. Đã hẳn rằng ai nhục với ai vinh, Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.*  **(trích “Chí làm trai” (Nguyễn Công Trứ)** | |
| Nhận diện ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản |  |
| Nêu tác dụng của điển cố |  |
| Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài tập 2. Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản sau:**  **Tháng ba, rét nàng Bân**  …*Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo.*  *Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.*  *Trời trong như ngọc, đất sạch như lâu. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngăn ngắt một mầu. Ở đằng sau nhà, chim hót ríu ran, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh mầu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.*  *(…) Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.*  *Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhăn mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lệ chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quản. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.*  **(Trích “Thương nhớ mười hai” – Vũ Bằng)** | |
| Nhận diện ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản |  |
| Nêu tác dụng của điển cố |  |
| Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả |  |

**4. Củng cố:** Nắm kiến thức cơ bản về điển cố: khái niệm, cách thức sử dụng, tác dụng.

**5. HDVN:**

- Tìm luyện thêm các đề đọc hiểu về điển cố.

- Chuẩn bị phần Viết: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC VAY MƯỢN – CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.